

Bản án số: 479/2024/HS-PT
Ngày: 19 - 6 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Văn Kết

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Minh Thịnh

Ông Cao Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Danh Quốc Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 566/2023/TLPT-HS ngày 02 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo Nguyễn Đoàn Vũ L, Đồng Thị Kim L1 do có kháng cáo của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 278/2023/HS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

** Các bị cáo kháng cáo:*

1. Nguyễn Đoàn Vũ L; giới tính: nam; sinh năm 1991 tại tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: Phòng 9.24, Block A, chung cư C3, số A đường Đ, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: nguyên Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đ1; con ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị Hồng N; hoàn cảnh gia đình: có vợ tên Triệu Thị Kim T1, có 01 con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không; Bắt, tạm giam: 17/12/2021; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Đồng Thị Kim L1; giới tính: nữ; sinh năm 1974 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 679 đường T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: 9/12; nghề

nghiệp: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đ1; con ông Đồng Văn C (chết) và bà Phạm Thị L2; hoàn cảnh gia đình: chồng tên Nguyễn Đăng D, có 3 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: không; Bắt, tạm giam: 17/12/2021; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa:**

- Luật sư Phạm Hữu Q, Công ty Đ1, Đoàn luật sư thành phố H bào chữa cho bị cáo L1 (có mặt).

- Các Luật sư Nguyễn Thị Lệ H, Trần Mai H1 và Luật sư Nguyễn Thanh Đ, Đoàn luật sư thành phố H bào chữa theo yêu cầu bị cáo L (có mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo được triệu tập:**

1. Ông Mai Xuân T2; sinh năm 1966; nơi đăng ký thường trú, nơi cư trú: 34 Tổ 2, Ô, khu phố H, xã L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt);

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông T2: Luật sư Nguyễn Văn H2, là Luật sư Văn phòng L5, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

2. Ông Nguyễn Đăng D (xin xét xử vắng mặt)

3. Ông Hoàng Minh C1 (vắng mặt)

4. Công ty Cổ phần P (vắng mặt).

Trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Thị Huyền C2, 34 bị hại, và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Công ty Cổ phần Đ1 (gọi tắt là Công ty Đ1), có mã số doanh nghiệp là 0315272800; địa chỉ trụ sở chính: số E đường Đ, Phường B, quận B, TP . Hồ Chí Minh; vốn điều lệ 1.000.000.000.000đồng; đăng ký lần đầu ngày 14/9/2018 với 04 cổ đông sáng lập gồm: Đồng Thị Kim L1, Hoàng Minh C1, Nguyễn Đoàn Vũ L (Tổng Giám đốc) và Phạm Hoàng V; đăng ký thay đổi lần 1 vào ngày 22/7/2019, còn lại 02 cổ đông là Đồng Thị Kim L1 và Nguyễn Đoàn Vũ L; Đồng Thị Kim L1, là Chủ tịch Hội đồng quản trị và là người đại diện theo pháp luật của Công ty; còn Nguyễn Đoàn Vũ L là Tổng giám đốc.

Công ty Cổ phần P (gọi tắt Công ty P), có mã số doanh nghiệp là 0314591642; địa chỉ trụ sở đặt tại số C N, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; vốn điều lệ là 30.000.000.000đ, đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực tư vấn bất động

sản, môi giới bất động sản, người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Thị Huyền C2 - Tổng giám đốc Công ty.

Vào ngày 24/11/2018, thông qua ông Phạm Văn D1 (chồng bị cáo L1), bị cáo L với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ1, ông Mai Xuân T2 và bà Bùi Thị Thanh H3 đã ký kết với nhau “*Hợp đồng thỏa thuận V/v chuyển nhượng toàn bộ khu đất phân lô khu dân cư tại khu phố H, thị trấn L, huyện L, Bà Rịa - Vũng Tàu*” số 112018/DTSG ngày 24/11/2018 (bl.3004). Theo hợp đồng vừa nêu, ông T2 và bà H3 (Bên A) cam kết chuyển nhượng cho Công ty Đ1 (Bên B) quyền sử dụng thửa đất số 273, tờ bản đồ số 34 có diện tích là 10.572m², tọa lạc ở khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà vợ chồng ông T2 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 823569 ngày 07/11/2018 (gọi tắt là thửa đất 273) với giá 22.000.000.000đ; bên A có trách nhiệm làm thủ tục tách thửa đất đã nêu thành các thửa đất nhỏ (dự kiến tách thành 15 thửa); sau khi hoàn thành việc tách thửa và có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đôi bên sẽ ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Bên A sẽ ký chuyển nhượng trực tiếp cho Bên B hoặc cho bên thứ 3 theo chỉ định của Bên B. Tuy nhiên, trong khi ông T2, bà H3 chưa thực hiện việc tách thửa và đôi bên chưa ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định thì Công ty Đ1 tiến hành tự lập bản vẽ phân lô.

Ngày 05/12/2018, ông T2 hoàn thành việc làm thủ tục tách thửa đất 273 thành nhiều thửa. Theo đó, thửa đất 273 được tách thành 15 thửa mang số thứ tự từ 285 đến 299 tờ bản đồ số 34 thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tương ứng với 15 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số thứ tự mang ký hiệu từ CP 933196 đến CP 933210 ghi ngày 05/12/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông T2 và bà H3.

Ngày 12/12/2018, L và L1 tổ chức họp Hội đồng cổ đông của Công ty Đ1, triển khai thực hiện “*dự án Galaxy L*” trên thửa đất đã đề cập. Mặc dù vào thời điểm vừa nêu, Công ty Đ1 chưa lập hồ sơ xin cấp phép làm dự án theo quy định pháp luật.

Ngày 12/12/2018, Công ty Đ1 (do L làm đại diện) và Công ty P (do C2 làm đại diện) ký kết “*Hợp đồng phân phối độc quyền*” số 01/2018/PPĐQ/APĐ/ĐT (bl.394), với nội dung:

- Công ty P là đơn vị phân phối độc quyền sản phẩm đất nền của “*dự án Galaxy L*” gồm 73 nền, thuộc tờ bản đồ số 34 (đã được tách thửa từ 15 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (kèm phụ lục đính kèm); Bên B được thay mặt Bên A thực hiện việc tiếp thị quảng cáo, được giao quyền phân phối cho đơn vị thứ cấp, không được tư vấn thêm cho khách hàng những thông tin chưa có hoặc là ngoài

thông tin do Bên A cung cấp; Bên A chịu trách nhiệm với khách hàng về tính pháp lý của dự án;

- Công ty Đ1 cung cấp cho Công ty P các tài liệu liên quan đến dự án như bản vẽ phân lô và các thông tin không có thật về dự án như: 100% đất thổ cư, số đo từng lô...);

- Khách hàng có thể thanh toán tiền mua đất bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản; trường hợp thanh toán chuyển khoản thì khách hàng chuyển tiền vào tài khoản 7000.1247.1720 của Công ty P mở tại Ngân hàng S - Chi nhánh Q1 (do L1 đứng tên chủ tài khoản) và tài khoản số 1881.0000.66.2222 của Công ty Đ1 mở tại Ngân hàng B1 - Chi nhánh C4 (do L đứng tên chủ tài khoản); trường hợp khách hàng trả tiền mặt thì kế toán của Công ty Đ1 là Nguyễn Thị Thúy H4 trực tiếp thu tiền và lập phiếu thu, đưa cho L ký rồi giao cho khách hàng.

Trong quá trình thực hiện các giao dịch đã nêu, thông qua ông D1, Công ty Đ1 đã trả cho ông T2 15.942.000.000đồng tiền nhận chuyển nhượng đất.

Từ tháng 01/2019 đến tháng 4/2019, nhân viên của Công ty P đã quảng cáo, làm môi giới, nhận tiền đặt chỗ của khách hàng với số tiền 50.000.000đ/nền, rồi chuyển cho Công ty Đ1 để Công ty Đ1 ký kết 51 “Hợp đồng thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất” với 34 người mua, thu 28.763.433.147đ của người mua (bl.386). Số tiền đã nêu đã được Công ty Đ1 sử dụng như sau:

- Trả phí môi giới cho Công ty P 5.271.520.612đ, kèm theo 04 tờ hóa đơn giá trị gia tăng (bl.390-393);

- Chuyển 19.330.089.000đ vào tài khoản số 060114397345 của ông Nguyễn Đăng D (chồng của bị cáo L1, người trực tiếp thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông T2) mở tại Ngân hàng S1 - Phòng G, quận T;

- Phần tiền còn lại, sử dụng vào việc hoạt động của Công ty Đ1.

Trong 51 nền đất bán cho 34 người đã nêu có một số trường hợp bán thông qua đơn vị thứ cấp của Công ty P, đó là Công ty Cổ phần Đ2 (Công ty Đ2), Công ty Cổ phần D5 (Công ty D5), Công ty TNHH B2 (Công ty B2). Do vậy, theo hợp đồng đã giao kết, Công ty P đã trả cho các công ty vừa nêu 1.312.486.126đ tiền môi giới, cụ thể như sau:

- Công ty Đ2 giới thiệu cho Công ty P bán 06 lô đất cho 05 người mua là các ông bà Nguyễn Thị Hồng T3, Đoàn Thị Ánh H5, Lê Thị Ngọc M, Hoàng Ngọc B, Trần Đức L3, Mai Thị Thanh H6 với tổng trị giá là 5.022370.000đ (bl.3347-3349). Công ty P đã trả cho Công ty N1 Á phí môi giới là 351.565.956đ – tương ứng 7% tổng trị giá hợp đồng (bl.3373, 3356).

- Công ty D5 giới thiệu cho Công ty P bán 02 lô đất cho bà Bùi Thị Thanh D2 với tổng trị giá là 1.841.000.000đ. Công ty P đã trả cho Công ty D5 phí môi giới là 184.160.000đ – tương ứng 10% tổng trị giá hợp đồng (bl.3362, 3373).

- Công ty B2 giới thiệu cho Công ty P bán 09 lô đất cho 08 người mua là các ông bà Nguyễn Thị Phương T4, Trần Thị Thùy D3, Trần Thị L4, Hồ Ngọc T5, Trần Thị D4, Phạm Thị Thúy V1, Dương Ngọc M1, Nguyễn Bá T6 với tổng trị giá là 8.683.367.500đ. Công ty P đã trả cho Công ty P Mới phí môi giới là 776.760.170đ – tương ứng từ 6% đến 10% (tùy từng hợp đồng) trị giá hợp đồng (bl.3356, 3373).

Ông D khai rằng ông D đã chuyển cho ông T2 15.942.000.000đ thông qua việc chuyển khoản để thanh toán tiền nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng ông T2. Tuy nhiên, ông T2 không thừa nhận. Ông T2 khai rằng ông T2 chỉ nhận của ông D khoảng 7.000.000.000đ đến 8.000.000.000đ nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Vì lý do đã nêu, giữa ông T2 với Công ty Đ1 và ông T2 xảy ra tranh chấp. Ông T2 không thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất 273 cho Công ty Đ1.

Do không thể tự giải quyết, ngày 21/12/2020, Công ty Đ1 khởi kiện ông T2 và bà H6 yêu cầu hủy “*Hợp đồng thỏa thuận V/v chuyển nhượng toàn bộ khu đất phân lô khu dân cư tại khu phố H, thị trấn L, huyện L, Bà Rịa - Vũng Tàu*” số 112018/DTSG ngày 24/11/2018, yêu cầu ông T2 và bà H6 hoàn trả 15.942.000.000đ (là khoản tiền mà ông D thay mặt Công ty Đ1 đã thanh toán cho ông T2, yêu cầu Công ty P hoàn trả 5.721.520.612đ là khoản tiền chi phí môi giới mà Công ty Đ1 đã trả cho Công ty P (bl.3036, 3135). Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thụ lý. Sau khi, các bị cáo bị khởi tố, Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 18/2022/QĐST-DS ngày 26/4/2022, chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H.

Căn cứ theo Quyết định 548/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B phê duyệt điều chỉnh quy đất đến năm 2020 thì 15 thửa đất tách ra từ thửa 273 được quy hoạch là đất giao thông và đất công trình năng lượng.

Căn cứ theo Quyết định 1266/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì 15 thửa đất tách ra từ thửa 273 được dự kiến ưu tiên triển khai đầu tư xây dựng giai đoạn 2021-2025 thành khu tái định cư S thị trấn L (giai đoạn 1).

Theo thông tin do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L cung cấp thì căn cứ theo hiện nay, thửa đất 273 nằm trong quy hoạch 1/500 khu tái định cư S, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngày 27/01/2021, Thanh tra Sở Xây dựng tỉnh B ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Công ty Đ1 về hành vi: Không công khai, công khai không đầy đủ hoặc không đúng các nội dung về dự án bất động sản, dự án đầu tư xây dựng nhà ở quy định tại điểm b khoản 1 Điều 57 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính Phủ.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ một số tài liệu liên quan và đã tiến hành trưng cầu giám định. Tài liệu thu giữ và kết quả giám định cụ thể như sau (bl.588-589, 592-593, 2874-2875, 3410-3411):

Thu giữ:

-13 “yêu cầu rút tiền mặt/chuyển khoản nội bộ” cùng đề Ngân hàng S2 (ký hiệu từ A1 đến A13);

-02 giấy yêu cầu chuyển tiền, cùng đề đơn vị chuyển Công ty Cổ phần Đ1”.

Căn cứ kết luận giám định số 4343/KL-KTHS ngày 12/8/2022 của Phòng K - Công an Thành phố H đối với chữ ký của Đồng Thị Kim L1 và con dấu của Công ty Đ1 trên các chứng từ rút tiền, chuyển tiền của Công ty Đ1 tại Ngân hàng S3-Chi nhánh Q1, kết luận:

- Chữ ký đứng tên “Đồng Thị Kim Loan” trên 13 (mười ba) tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A6, A8, từ A10 đến A15 (đã nêu ở mục II.1) so với chữ ký của Đồng Thị Kim L1 trên 06 (sáu) tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 (đã nêu ở mục II.2) do cùng một người ký ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên “Đồng Thị Kim Loan trên 02 (hai) tài liệu cần giám định ký hiệu A7, A9 (đã nêu ở mục II.1) so với chữ ký của Đồng Thị Kim L1 trên 06 (sáu) tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 (đã nêu ở mục II.2) có phải do cùng một người ký ra hay không.

-Hình dấu tròn có nội dung “CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỒNG TIẾN SÀI GÒN *M.S.D.N:0315272800-C.T.C.P*Q.BÌNH THẠNH-T.P HỒ CHÍ MINH” trên 15 (mười lăm) tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A15 (đã nêu ở mục II.1) so với hình dấu tròn có cùng nội dung tương ứng trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M10 (đã nêu ở mục II.2) không phải do cùng một con dấu đóng ra (bl. 2874-2875).

Thu giữ:

-02 “Hợp đồng thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất” đề ngày 23/01/2019, đứng tên chuyển nhượng: Công ty cổ phần Đ1, gồm:

+số 09 (ký hiệu A1);

+số 08 (ký hiệu A2);

- “4 phiếu thu” đứng tên người nộp tiền: Nguyễn Thị Phương T4 gồm:
 - + số 01/1, đề ngày 02/01/2019 (ký hiệu A3);
 - + số 02/1, đề ngày 02/01/2019 (ký hiệu A4);
 - + số 40/1, đề ngày 23/01/2019 (ký hiệu A5);
 - + số 41/1, đề ngày 23/01/2019 (ký hiệu A6);
- 02 “Giấy xác nhận thanh toán”, đứng tên người thanh toán: Nguyễn Thị Phương T4, cùng đề ngày: 18/6/2019 (ký hiệu A7, A8);
- 01 “Hợp đồng thỏa thuận”, đề ngày 24/11/2018, số 112018/DTSG (ký hiệu A9);
- 01 “Hợp đồng phân phối độc quyền” đề ngày 12/12/2018, số 01/2018/PPĐQ/APĐ-ĐT (ký hiệu A10);
- 04 “hóa đơn giá trị gia tăng”, đứng tên đơn vị: Công ty cổ phần Đ1 gồm:
 - + số hiệu PD/18P-0000005, đề ngày 25/01/2019 (ký hiệu A11);
 - + số hiệu PD/18P-0000012, đề ngày 22/02/2019 (ký hiệu A12);
 - + số hiệu PD/18P-0000016, đề ngày 02/4/2019 (ký hiệu A13);
 - + số hiệu PD/18P-0000018, đề ngày 26/4/2019 (ký hiệu A14)

Căn cứ các kết luận giám định số 1953/KLGD-TT ngày 05/4/2021, kết luận giám định số 2694/KLGD-TT ngày 05/5/2021 của của Phòng K - Công an Thành phố H, xác định được như sau:

- Chữ ký mang tên Nguyễn Đoàn Vũ L trên các tài liệu cần giám định từ A1 đến A9, A10 so với các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký ra.
- Chữ ký mang tên Mai Xuân T2 trên tài liệu cần giám định A9 so với các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký ra.
- Chữ ký mang tên Nguyễn Thị Huyền C2 trên các tài liệu cần giám định từ A10 đến A14 so với các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký ra.
- Hình dấu tròn mang tên CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ AN PHÚC ĐIỀN trên các tài liệu cần giám định mang ký hiệu từ A10 đến A14 so với hình dấu tròn trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một con dấu đóng ra.
- Hình dấu tròn có nội dung “CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔNG TIẾN SÀI GÒN *M.S.D.N:0315272800-C.T.C.P*Q.BÌNH THẠNH-TP. HỒ CHÍ MINH” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A10 so với hình dấu tròn có cùng nội dung làm mẫu so sánh do cùng một con dấu đóng ra.

Thu giữ:

- 03 “Hợp đồng phân phối KDC tại khu phố H, thị trấn L, huyện L, Bà Rịa, Vũng Tàu”, gồm:

+ số 02/2019/PPĐQ/APĐ-NCA, đề ngày 01/3/2019 (ký hiệu A1);

+ số 05/2018/PPĐQ/APĐ-NH, đề ngày 15/12/2018 (ký hiệu A2);

+ số 02/2018/PPĐQ/APĐ-NH, đề ngày 15/12/2018 (ký hiệu A3);

- 01 “Bảng đối chiếu phí”, đề ngày 26/01/2019 (ký hiệu A4);

- 01 “Hợp đồng phân phối KDC tại khu phố H, thị trấn L, huyện L, Bà Rịa, Vũng Tàu”, số 04/2018/PPĐQ/APĐ-NH, đề ngày 15/12/2018 (ký hiệu A5);

- 01 “Bảng đối chiếu phí”, đề ngày 26/3/2019 (ký hiệu A6);

- 12 “Hợp đồng thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất” gồm:

+ số 01/HĐTTCN/ĐTSG-GLLH, đề ngày 13/12/2018 (ký hiệu A7);

+ số 15/HĐTTCN/ĐTSG-GLLH, đề ngày 23/01/2019 (ký hiệu A8);

+ số 18/HĐTTCN/ĐTSG-GLLH, đề ngày 23/01/2019 (ký hiệu A9);

+ số 19/HĐTTCN/ĐTSG-GLLH, đề ngày 23/01/2019 (ký hiệu A10);

+ số 20/HĐTTCN/ĐTSG-GLLH, đề ngày 23/01/2019 (ký hiệu A11);

+ số 26/HĐTTCN/ĐTSG-GLLH, đề ngày 23/01/2019 (ký hiệu A12);

+ số 43/HĐTTCN/ĐTSG-GLLH, đề ngày 20/3/2019 (ký hiệu 13);

+ số 44/HĐTTCN/ĐTSG-GLLH, đề ngày 25/3/2019 (ký hiệu A14);

+ số 47/HĐTTCN/ĐTSG-GLLH, đề ngày 25/3/2019 (ký hiệu A15);

+ số 48/HĐTTCN/ĐTSG-GLLH, đề ngày 01/4/2019 (ký hiệu A16);

+ số 49/HĐTTCN/ĐTSG-GLLH, đề ngày 01/4/2019 (ký hiệu A17);

+ số 55/HĐTTCN/ĐTSG-GLLH, đề ngày 02/4/2019 (ký hiệu A18).

Căn cứ Kết luận giám định số 4716/KL-KTHS ngày 14/9/2022 của Phòng K - Công an Thành phố H, xác định được như sau:

- Chữ ký mang tên “Nguyễn Đoàn Vũ L” trên các tài liệu cần giám định từ A7 đến A18 so với các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên “Nguyễn Thị Huyền C2” trên các tài liệu cần giám định từ A1 đến A16 so với các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên “Trần Thiện T7” trên các tài liệu cần giám định từ A4 đến A6 so với các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn có nội dung “CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔNG TIẾN SÀI GÒN *M.S.D.N:0315272800-C.T.C.P*Q.BÌNH THẠNH-TP. HỒ CHÍ MINH” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A7 đến A11, từ A13 đến A18 là hình con dấu của Công ty Cổ phần Đ1.

- Hình dấu tròn có nội dung “CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ AN PHÚC ĐIỀN*M.S.D.N:0314591642-C.T.C.P * QUẬN 4 – TP. HỒ CHÍ MINH” trên các tài liệu cần giám định mang ký hiệu từ A1 đến A6 là con dấu của Công ty Cổ phần P.

- Hình dấu tròn có nội dung “CÔNG TY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN NHÀ MỚI * M.S.D.N:0314307313-C.T.T.N.H.H * QUẬN 2 – TP. HỒ CHÍ MINH” trên các tài liệu cần giám định mang ký hiệu từ A3 đến A6 là hình con dấu của Công ty TNHH B2.

Ngoài các tài liệu đã nêu, Cơ quan điều tra còn thu giữ con dấu của Công ty Đ1.

Tại Cơ quan điều tra:

- Bị cáo L, L1 và C2 khai nhận hành vi phạm tội như trên (bl.944-951, 858-973, 982-997).

- Ông Nguyễn Đăng D (chồng bị cáo L1) khai rằng: Ông D là người thỏa thuận với ông Mai Xuân T2 để Công ty Đ1 ký hợp đồng mua thửa đất 273 của ông T2 với giá 22.000.000.000đồng; ông D có tham gia bàn bạc với Hội đồng quản trị của Công ty Đ1 về việc triển khai “dự án Galaxy L”. Sau khi ký hợp đồng và thu tiền của khách hàng, Công ty Đ1 đã chuyển cho ông D 19.330.089.000đồng. Ông D đã chuyển cho T2 15.942.000.000đồng tiền mua đất, còn lại 3.338.089.000đồng, ông D sử dụng vào việc san lấp mặt bằng và các hoạt động của Công ty Đ1 nhưng không có hóa đơn, chứng từ chứng minh. Ngoài ra, ông D còn khai nhận đã tham gia cùng với L, Hoàng Minh C1 quản lý, điều hành Công ty Đ1.

- Ông Mai Xuân T2 khai: Ông T2 và bà H6 (vợ ông T2) là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất 273. Thông qua ông D, ông T2 đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất 273 cho Công ty Đ1 do Nguyễn Đoàn Vũ L - Tổng giám đốc làm đại diện ký. Sau đó, theo yêu cầu của Công ty Đ1, ông T2 đã làm thủ tục tách thửa 273 thành 15 thửa nhỏ. Trong quá trình chuyển nhượng thửa đất 273, ông D chỉ thanh toán cho ông T2 khoảng 7.000.000.000đ đến 8.000.000.000đ nhưng ông T2 không có tài liệu chứng minh. Ông T2 không ký hợp đồng công chứng sang tên khu đất nêu trên cho Công ty Đ1 là do Công ty Đ1 không thanh toán tiền nhận chuyển nhượng theo như hợp đồng đã giao kết.

- Ông Hoàng Minh C1 và ông Phạm Hoàng V khai: C1 và V cùng với D, L là những người cùng bàn bạc thỏa thuận thành lập Công ty Đ1 với mục đích kinh doanh bất động sản; người đứng đại diện theo pháp luật là bà L1; người quản lý, điều hành Công ty là ông L. Ông C1 và ông V có đứng tên thành lập Công ty nhưng không tham gia vào việc quản lý, điều hành, không tham gia vào việc bán, thu tiền khách hàng, không đóng dấu trên hợp đồng chuyển nhượng với khách hàng của “dự án Galaxy L” và không nhận bất cứ khoản tiền nào từ Công ty Đ1.

- Các bị hại đều khai: Thông qua quảng cáo, giới thiệu của Công ty P cho biết “dự án Galaxy L” đã có đầy đủ hồ sơ pháp lý, hiện đã có sổ đỏ đối với từng lô, xây dựng tự do, đường nội bộ 9m-10m, cam kết trong vòng 12 tháng sẽ ký hợp đồng chính thức tại cơ quan có thẩm quyền công chứng hoặc chứng thực. Thanh toán thành nhiều đợt, khách hàng đặt cọc giữ chỗ qua Công ty P với số tiền 50.000.000đ/nền; sau đó, ký hợp đồng và thanh toán số tiền còn lại cho Công ty Đ1. Các bị hại không biết ông Nguyễn Đăng D và ông Hoàng Minh C1 là ai, khi mua bán các bị hại không bàn bạc, thỏa thuận với ông Mai Xuân T2 (bl.1468-2669).

Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra và trong giai đoạn xét xử,

- Gia đình bị cáo C2 đã nộp lại 3.000.000.000đồng;
- Gia đình bị cáo L đã nộp lại 1.100.000.000đồng;
- Công ty Đ2 đã nộp lại 351.565.956đồng;
- Công ty D5 đã nộp lại 184.160.000đồng;
- Công ty B2 đã nộp lại 776.760.170đồng.

Cơ quan điều tra đã có văn bản yêu cầu ông D nộp lại 3.338.089.000đồng nhưng ông D chưa nộp.

Cơ quan điều tra đã có văn bản yêu cầu ông T2 nộp lại 15.942.000.000đồng nhưng ông T2 chưa nộp. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an Thành phố H đã ra Lệnh kê biên tài sản số 27-08/LKB-CSKT-Đ9 ngày 03/3/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an Thành phố H đối với các thửa đất 285, 286, 287, 288, 289, 290, 291, 292, 293, 294, 295, 296, 297, 298, 299 tờ bản đồ số 34, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (là các thửa đất mà Công ty Đ1 mua của vợ chồng ông T2, nhưng vợ chồng ông T2 chưa làm thủ tục sang tên).

Tại bản Cáo trạng số 157/CT-VKS-P2 ngày 21/3/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo về tội “Lừa đảo

chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 278/2023/HSST ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Đồng Thị Kim L1 18 (mười tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2021.

2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đoàn Vũ L 17 (mười bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2021.

3. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm a, b, s và t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Huyền C2 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2021.

** Buộc ông Nguyễn Đăng D phải nộp lại 3.338.089.000 đồng (ba tỷ, ba trăm ba mươi tám triệu, không trăm tám mươi chín nghìn đồng); buộc ông Mai Xuân T2 và bà Bùi Thị Thanh H3 phải nộp lại 15.942.000.000 đồng (mười lăm tỷ, chín trăm bốn mươi hai triệu đồng). Số tiền mà ông D, ông T2 và bà H3 nộp lại sẽ được sử dụng để bồi thường cho các bị hại theo tỷ lệ tương ứng với số tiền mà từng bị hại bị chiếm đoạt và được căn trừ vào nghĩa vụ bồi thường của bị cáo Nguyễn Đoàn Vũ L và bị cáo Đồng Thị Kim L1.*

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, các biện pháp tư pháp, việc thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 27-30/6/2023, các bị cáo Đồng Thị Kim L1, Nguyễn Đoàn Vũ L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 28/7/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Xuân T2 có đơn kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm, điều tra bổ sung đối với ông Nguyễn Đăng D. Lý do ông D giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, quyết định mọi vấn đề hoạt động của doanh nghiệp và chính ông D là người trực tiếp giao dịch chuyển nhượng đất của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo L1, L và người liên quan ông T2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về xử lý vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bị cáo, kháng cáo của ông Mai Xuân T2 có đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Đăng D là người có vai trò chính trong vụ án. Cấp sơ thẩm không truy tố, xét xử đối với Nguyễn Đăng D là bỏ lọt người phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 278/2023/HSST ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giao về cấp sơ thẩm điều tra, truy tố, xét xử lại.

- Các Luật sư bào chữa cho bị cáo L và ông T2: Đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát; trường hợp cấp phúc thẩm không hủy án sơ thẩm thì xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo L1 cho rằng quá trình xét xử sơ thẩm đã có trả hồ sơ để điều tra đối với ông D nhưng Viện kiểm sát sơ thẩm không chấp nhận. Do đó, Luật sư không đồng tình với quan điểm hủy án sơ thẩm của Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Đồng Thị Kim L1 và bị cáo Nguyễn Đoàn Vũ L khai nhận: Các bị cáo là các cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần Đ1 (gọi tắt là Công ty Đ1), đăng ký kinh doanh nhiều ngành nghề, trong đó có kinh doanh bất động sản, tư vấn, môi giới bất động sản. Bị cáo L1 là Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ1; còn bị cáo L là Tổng giám đốc điều hành hoạt động của Công ty Công ty Đ1.

Trong quá trình thực hiện việc kinh doanh, vào ngày 24/11/2018 dưới sự chỉ đạo, điều hành của 02 bị cáo, Công ty Đ1 đã ký hợp đồng nhận chuyển nhượng thửa đất số 273, tờ bản đồ số 34 có diện tích là 10.572,4m², tọa lạc ở khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (thửa đất 273) của ông Mai Xuân T2 và bà Bùi Thị Thanh H3 với giá 22.000.000.000đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng đã nêu, thông qua ông D (chồng bị cáo L1), Công ty Đ1 đã trả cho ông T2 15.942.000.000đồng.

Tuy nhiên, trong khi chưa có được quyền sử dụng đất hợp pháp đối với thửa đất 273 thì Công ty Đ1 đã lập dự án không có thật lấy tên là “dự án Galaxy L”, tự

lập bản vẽ mặt bằng phân lô (phân thành 73 lô), mẫu tờ rơi, mẫu leaflet, video để quảng cáo, giới thiệu dự án. Sau đó, vào ngày 12/12/2018, Công ty Đ1 (do bị cáo L làm đại diện) đã ký “Hợp đồng phân phối độc quyền” số 01/2018/PPĐQ/APĐ/ĐT với Công ty Cổ phần P (do bị cáo C2 làm đại diện); Bl:394). Theo hợp đồng, thì Công ty P là đơn vị phân phối độc quyền sản phẩm đất nền của “dự án Galaxy L”, được thay mặt Công ty Đ1 thực hiện việc tiếp thị quảng cáo, được giao quyền phân phối cho đơn vị thứ cấp; Công ty Đ1 chịu trách nhiệm về tính pháp lý của dự án; Công ty P được hưởng 12% trên doanh thu bán hàng (đã bao gồm VAT).

Là người đại theo pháp luật của Công ty P, bị cáo C2 biết được “dự án Galaxy L” là chưa đảm bảo tính pháp lý. Nhưng vì tin tưởng vào sự cam kết của Công ty Đ1 về tính pháp lý của dự án nên C2 đã ký hợp đồng với Công ty Đ1, để cho nhân viên của mình tham gia vào việc quảng cáo, nhận tiền cọc giữ chỗ của người mua đất giao lại cho Công ty Đ1.

Từ tháng 01/2019 đến tháng 4/2019, Công ty P đã quảng cáo, làm môi giới, nhận tiền đặt chỗ của khách hàng với số tiền 50.000.000đồng/nền, rồi chuyển cho Công ty Đ1 để Công ty Đ1 ký kết 51 “Hợp đồng thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất” với 34 bị hại, chiếm đoạt 28.763.433.147đồng của bị hại.

Với hành vi nêu trên, Cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử các bị cáo Đồng Thị Kim L1, bị cáo Nguyễn Đoàn Vũ L và bị cáo Nguyễn Thị Huyền C2 phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, không oan cho các bị cáo.

Tuy nhiên, quyết định bản án không tuyên bố về tội danh đối với các bị cáo là thiếu sót, cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2]. Đối với kháng cáo yêu cầu xem xét vai trò đồng phạm của ông Nguyễn Đăng D, thấy rằng:

[2.1]. Về mặt chứng cứ, thể hiện:

- Trong quá trình điều tra, theo lời khai của ông Nguyễn Đăng D (chồng bị cáo L1) khai rằng: “Ông là người thỏa thuận với ông Mai Xuân T2 để Công ty Đ1 ký hợp đồng mua thửa đất 273 của ông T2 với giá 22.000.000.000đồng; ông D có tham gia bàn bạc với Hội đồng quản trị của Công ty Đ1 về việc triển khai “dự án Galaxy L”. Sau khi ký hợp đồng và thu tiền của khách hàng, Công ty Đ1 đã chuyển cho ông D 19.330.089.000đồng. Ông D đã chuyển cho T2 15.942.000.000đồng tiền mua đất, còn lại 3.338.089.000đồng, ông D sử dụng vào việc san lấp mặt bằng và các hoạt động của Công ty Đ1 nhưng không có hóa đơn, chứng từ chứng minh. Ngoài ra, ông D còn khai nhận đã tham gia cùng với L, Hoàng Minh C1 quản lý, điều hành Công ty Đ1”.

- Ông Mai Xuân T2 khai: “Ông T2 và bà H3 (vợ ông T2) là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất 273. Thông qua ông D, ông T2 đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất 273 cho Công ty Đ1 do Nguyễn Đoàn Vũ L - Tổng giám đốc làm đại diện ký. Sau đó, theo yêu cầu của Công ty Đ1, ông T2 đã làm thủ tục tách thửa 273 thành 15 thửa nhỏ. Trong quá trình chuyển nhượng thửa đất 273, ông D chỉ thanh toán cho ông T2 khoảng 7.000.000.000đ đến 8.000.000.000đồng... Ông T2 không ký hợp đồng công chứng sang tên khu đất nêu trên cho Công ty Đ1 là do Công ty không thanh toán tiền nhận chuyển nhượng như hợp đồng đã giao kết”.

- Ông Hoàng Minh C1 và ông Phạm Hoàng V khai: “C1 và V cùng với D, L là những người cùng bàn bạc thỏa thuận thành lập Công ty Đ1 với mục đích kinh doanh bất động sản; người đứng đại diện theo pháp luật là bà L1; người quản lý, điều hành Công ty là ông L. Ông C1 và ông V có đứng tên thành lập Công ty nhưng không tham gia vào việc quản lý, điều hành, không tham gia vào việc bán, thu tiền khách hàng, không đóng dấu trên hợp đồng chuyển nhượng với khách hàng của “dự án Galaxy L” và không nhận bất cứ khoản tiền nào từ Công ty Đ1”

- Tại Biên bản họp Hội đồng cổ đông về đề án kinh doanh và định hướng phát triển tại Thị Trấn L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu ngày 12/12/2018 ghi nhận: Ông Nguyễn Đăng D là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Đ1 (Công ty mẹ của Công ty Đ1); Ông Mai Xuân T2 có vốn điều lệ là 40%.

- Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo L, L1 đều thừa nhận: ông D (chồng bị cáo L1) là người ký hợp đồng mua bán đất với ông T2, nhận tiền từ L rồi chuyển khoản thanh toán cho ông T2, có tham gia cùng L, C1 quản lý, điều hành Công ty Đ1, như dự họp Hội đồng quản trị...

[2.2]. Như vậy, có đủ căn cứ xác định Ông Nguyễn Đăng D là người giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Đ1, trực tiếp điều hành và tham gia quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty, là người trực tiếp đứng ra giao dịch chuyển nhượng, trả tiền đất cho ông Mai Xuân T2.

Mặc dù Tòa sơ thẩm có trả hồ sơ để điều tra bổ sung vấn đề này nhưng Viện kiểm sát sơ thẩm không chấp nhận truy tố là bỏ lọt người phạm tội; người có vai trò chính ảnh hưởng đến việc quyết định hình phạt đối với tất cả các bị cáo trong vụ án. Theo giới hạn xét xử quy định tại Điều 298 BLTTHS năm 2015, Tòa sơ thẩm chỉ xét xử trong phạm vi truy tố là phù hợp, trường hợp này Tòa sơ thẩm không có lỗi.

[3]. Từ những phân tích nhận định trên, thấy rằng: Việc cấp sơ thẩm chưa xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông Nguyễn Đăng D là bỏ lọt người

phạm tội; Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp . đề nghị hủy án sơ thẩm để chuyển hồ sơ về cho cấp sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Các vấn đề khác:

- Đối với ông Mai Xuân T2, ông khiếu nại cho rằng việc ông có tên 40% vốn điều lệ trong Công ty là do ông D, ông C1 và các bị cáo trong vụ án này ghi vào; Mọi việc điều hành Công ty do ông D chỉ đạo, quyết định. Do đó, quá trình điều tra lại cũng cần cho đối chất, làm rõ ông T2 có vai trò gì trong vụ án này.

- Đối với kháng cáo bổ sung của ông T2, yêu cầu xem xét số tiền 15.492.000.000 đồng buộc ông nộp lại, vì thực tế ông D chỉ chuyển cho ông 7.000.000.000 đồng đến 8.000.000.000 đồng để chuyển nhượng đất. Vấn đề này, cần điều tra, thu thập tài liệu, chứng cứ làm rõ, cho đối chất giữa ông D với ông T2 để xác định chính xác số tiền buộc ông T2 phải nộp lại.

- Về trách nhiệm bồi thường: Gia đình bị cáo L có nợ khác phục thêm ở giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm số tiền 1.000.000.000 đồng, nên khi xét xử lại cần nhận định và xem xét lượng hình cho phù hợp.

[5]. Do hủy án sơ thẩm nên cấp phúc thẩm không xem xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Đồng Thị Kim L1, Nguyễn Đoàn Vũ L.

[6]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm, nên các bị cáo và ông Mai Xuân T2 không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự;

2. Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 278/2023/HS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh để điều tra, truy tố lại theo thủ tục chung.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Đồng Thị Kim L1, Nguyễn Đoàn Vũ L cho đến khi Viện kiểm sát cấp sơ thẩm thụ lý lại vụ án.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Các bị cáo Đồng Thị Kim L1, Nguyễn Đoàn Vũ L và ông Mai Xuân T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: HS, VP, 20TTLH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chung Văn Kết